

Bản án số: 49/2024/DS-ST

Ngày: 27-9-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Dưỡng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lâm Trần Ngoan;

Bà Lương Thị Anh Đào.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Bá Hồng Tân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Chi – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11, 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2024/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Công ty T1 (HD S).

Địa chỉ: Lầu H, 9, 10 Tòa nhà G, số B C, P, Phường F, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu N – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Gia H – Chức vụ: Trưởng phòng thu hồi nợ gián tiếp (theo Giấy ủy quyền số 210801-LCO ngày 01-8-2021).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Gia H: Ông Đặng Thanh P – Chuyên viên pháp lý tố tụng thuộc phòng thu hồi nợ của Công ty (theo Giấy ủy quyền số: 231005-9-CCO ngày 05/10/2023).

**- Bị đơn:** Trần Minh T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông *Đàng Thanh P* có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa;  
ông *Trần Minh T* vắng mặt không có lý do)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện của nguyên đơn trình bày:** Vào ngày 18-8-2020, ông Trần Minh T có ký hợp đồng tín dụng số 2W018333596 với Công ty T1 vay số tiền 16.380.000 đồng để mua xe máy, theo thỏa thuận là vào ngày 15 hàng tháng ông T phải thanh toán cho Công ty T1 số tiền là 1.893.750 đồng liên tục trong vòng 12 kỳ trả góp bắt đầu từ ngày 15-9-2020 cho đến ngày 15-8-2021 nhưng ông T không thực hiện. Nay Công ty T1 yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Minh T phải trả toàn bộ số tiền gốc chưa thanh toán là 16.380.000 đồng (Mười sáu triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng) và tiền lãi chưa thanh toán từ ngày 15-9-2020 đến ngày 15-02-2021 là 3.015.572 đồng (Ba triệu không trăm mười lăm nghìn năm trăm bảy mươi hai đồng) và tiền lãi quá hạn do vi phạm nghĩa vụ thanh toán tính đến ngày 05-10-2023 là 2.665.845 đồng (Hai triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn tám trăm bốn mươi lăm đồng). Như vậy, tổng số tiền ông T phải trả một lần cho Công ty T1 là 22.061.417 đồng (Hai mươi hai triệu không trăm sáu mươi một nghìn bốn trăm mười bảy đồng). Công ty T1 không yêu cầu ông T phải trả thêm các khoản lãi phát sinh kể từ thời điểm nộp đơn khởi kiện đến khi xét xử. Buộc ông Trần Minh T phải chịu lãi suất chậm thanh toán kể từ ngày Công ty T1 có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T không thanh toán số tiền nêu trên thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

**Bị đơn Trần Minh T:** Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, cũng không có gửi văn bản ý kiến cho Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

### **Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:**

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt tại địa phương nên không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo luật định.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 95, Điều 108 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 280, Điều 351, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự. Chấp nhận yêu cầu của Công ty T1 (HD S). Buộc ông Trần Minh T có nghĩa vụ trả cho Công ty T1 (HD S) số tiền nợ là 22.061.417 đồng. Buộc ông Trần Minh T phải chịu lãi suất chậm thanh toán kể từ ngày Công ty T1 (HD S) có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T không thanh toán số tiền nêu trên thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

Không yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn Trần Minh T vắng mặt không có lý do nên tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn Trần Minh T phải trả toàn bộ số tiền gốc chưa thanh toán là 16.380.000 đồng (Mười sáu triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng) và tiền lãi chưa thanh toán từ ngày 15-9-2020 đến ngày 15-02-2021 là 3.015.572 đồng (Ba triệu không trăm mười lăm nghìn năm trăm bảy mươi hai đồng) và tiền lãi quá hạn do vi phạm nghĩa vụ thanh toán tính đến ngày 05-10-2023 là 2.665.845 đồng (Hai triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn tám trăm bốn mươi lăm đồng). Như vậy, tổng số tiền ông T phải trả một lần cho Công ty T1 là 22.061.417 đồng (Hai mươi hai triệu không trăm sáu mươi một nghìn bốn trăm mười bảy đồng). Công ty T1 không yêu cầu ông T phải trả thêm các khoản lãi phát sinh kể từ thời điểm nộp đơn khởi kiện đến khi xét xử. Buộc ông Trần Minh T phải chịu lãi suất chậm thanh toán kể từ ngày Công ty T1 có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T không thanh toán số tiền nêu trên thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Xét thấy: Đề nghị cấp tín dụng kiêm thỏa thuận sử dụng dịch vụ điện tử số: 2W018333596 ngày 18-8-2020 và Hợp đồng tín dụng số: 2W018333596 ngày 18-8-2020, mà ông Trần Minh T đã ký với Công ty T1 (HD S) là có thật, nội dung các bên thỏa thuận xuất phát từ sự tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Ông Trần Minh T không thanh toán nợ theo thỏa thuận mà các bên đã ký kết nên Công ty T1 (HD S) khởi kiện yêu cầu ông T trả các khoản nợ như nêu trên là có căn cứ.

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn Trần Minh T và việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án đảm bảo đúng quy định của pháp luật nhưng bị đơn Trần Minh T không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại khoản 2, khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh:

*“2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.*

...

*4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.*

Đồng thời tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

*“2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.*

Ông T không nộp cho Tòa án văn bản ý kiến, tài liệu, chứng cứ gì, cũng như không đến Tòa án trình bày ý kiến gì để phản đối lại yêu cầu của nguyên đơn nên ông T phải chịu hậu quả cho việc không chứng minh, không phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Vậy nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn Trần Minh T trả số tiền nợ như nêu trên là phù hợp với quy định tại điều 108 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ những phân tích trên, chứng tỏ yêu cầu khởi kiện của Công ty T1 (HD S) là có căn cứ nên chấp nhận, buộc ông Trần Minh T có nghĩa trả cho nguyên đơn số tiền nợ: Tiền nợ gốc chưa thanh toán là 16.380.000 đồng (Mười sáu triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng) và tiền lãi trong hạn chưa thanh toán từ ngày 15-9-2020 đến ngày 15-02-2021 là 3.015.572 đồng (Ba triệu không trăm mười lăm nghìn năm trăm bảy mươi hai đồng) và tiền lãi quá hạn do vi phạm nghĩa vụ thanh toán tính đến ngày 05-10-2023 là 2.665.845 đồng (Hai triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn tám trăm bốn mươi lăm đồng), không yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử. Tổng cộng là 22.061.417 đồng (Hai mươi hai triệu không trăm sáu mươi một nghìn bốn trăm mười bảy đồng).

Ông Trần Minh T phải chịu lãi suất chậm thanh toán kể từ ngày Công ty T1 có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T không thanh toán số tiền nêu trên thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: *“Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”.* Trong vụ án này bị đơn Trần Minh T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tổng số

tiền là 22.061.417 đồng nên có nghĩa vụ phải chịu 22.061.417 đồng x 5% = 1.103.000 đồng, (Một triệu một trăm lẻ ba nghìn đồng) án phí; Nguyên đơn Công ty T1 (HD S) không phải chịu án phí nên được nhận lại 552.000 đồng (Năm trăm năm mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (do Nguyễn Lê Hữu N1 nộp thay) theo Biên lai thu số: 0000501 ngày 31-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

[4] Xét thấy phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 5, 26, 35, 39, 91, 92, 144, 147, 227, 228, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điều 108 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty T1 (HD S).

Buộc ông Trần Minh T có nghĩa trả cho Công ty T1 (HD S) số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 16.380.000 đồng (Mười sáu triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng) và tiền lãi trong hạn chưa thanh toán từ ngày 15-9-2020 đến ngày 15-02-2021 là 3.015.572 đồng (Ba triệu không trăm mười lăm nghìn năm trăm bảy mươi hai đồng) và tiền lãi quá hạn do vi phạm nghĩa vụ thanh toán tính đến ngày 05-10-2023 là 2.665.845 đồng (Hai triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn tám trăm bốn mươi lăm đồng), không yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử. Tổng cộng là 22.061.417 đồng (Hai mươi hai triệu không trăm sáu mươi một nghìn bốn trăm mười bảy đồng).

Ông Trần Minh T phải chịu lãi suất chậm thanh toán kể từ ngày Công ty T1 (HD S) có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T không thanh toán số tiền nêu trên thì phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Minh T có nghĩa vụ chịu 1.103.000 đồng, (Một triệu một trăm lẻ ba nghìn đồng) án phí.

Công ty T1 (HD S) không phải chịu án phí nên được nhận lại 552.000 đồng (Năm trăm năm mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm

đã nộp (do Nguyễn Lê Hữu N1 nộp thay) theo Biên lai thu số: 0000501 ngày 31-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Dương**